

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ- ST

Ngày 28-4- 2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và ông Đường Ngọc Đại

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, “có mặt”.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1976, “vắng mặt”.

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 10 năm 2022, bản tự khai và các lần làm việc tại tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P (N là phường T, thành phố P), tỉnh Vĩnh Phúc ngày 15 tháng 4 năm 2005. Sau khi kết hôn, anh chị được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ và chị về chung sống cùng gia đình anh N tại Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về kinh tế và lối sống khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn yêu thương, sẻ chia như trước. Đầu năm 2019, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng chị đã bỏ ra ngoài và sống ly thân với anh N từ đó đến nay. Trong suốt thời gian anh chị ly thân, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, động viên để vợ chồng hàn gắn tình cảm tuy nhiên do chị với anh N không còn tình cảm nên anh chị không thể tiếp tục chung sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2005; cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2008; cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2017. Hiện nay, cháu Q và cháu Mai A đang sinh sống cùng chị; cháu H đang sinh sống cùng anh N. Ly hôn chị có nguyện vọng được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q và cháu Mai A; chị đồng ý để anh N được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục H như hiện nay. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung và chị cũng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh N vắng mặt. Tuy nhiên ngày 07 tháng 3 năm 2023, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh N tại địa chỉ tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo đó anh N đã trình bày ý kiến như sau: Anh đã nhận được đầy đủ các thông báo, giấy triệu tập, Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên nhưng anh không đến tòa án làm việc vì lý do: chị L làm đơn ly hôn anh thì cứ để chị L ly hôn đơn phương, anh không đến tòa làm việc nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh N cũng đồng ý về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân hiện tại, con chung và tài sản chung như chị L trình bày. Anh N muốn giữ gia đình cho các con nhưng nếu chị L không còn tình cảm với anh mà quyết định ly hôn thì anh có nguyện vọng được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục H như hiện nay và anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N là người theo đạo Công giáo nên anh N sẽ không ký vào bất cứ biên bản nào vì theo anh N suy nghĩ ký vào bất cứ giấy tờ gì để ly hôn là có tội. Chính vì vậy, sau khi Tòa án lập biên bản làm việc với anh N trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương, đọc lại cho anh N nghe, anh N đồng ý các nội dung trong biên bản nhưng không ký vào biên bản.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2005 và cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2017; giao cho anh Nguyễn Văn N được trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2008. Anh N và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L khởi kiện Anh Nguyễn Văn N, địa chỉ: T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử thấy: Chị L và anh N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 4 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T). Do vậy, hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế, tính cách không hòa hợp, không còn tình cảm nên chị L đã bỏ ra ngoài sinh sống từ đầu năm 2019 và vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị L xin ly hôn, anh N không ra tòa án trình bày quan điểm nhưng những lần Tòa án gửi thông báo, giấy triệu tập, quyết định anh N đều nhận được nhưng anh không đến tòa làm việc. Tòa án đã tiến hành làm việc với anh N và ghi nhận ý kiến của anh về việc chị L xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Tuy nhiên, anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị L anh N đã mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2005; cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2008 và cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2017. Hiện cháu Q và cháu Mai A đang sinh sống cùng chị L; cháu H đang sinh sống cùng anh N. Tại phiên tòa, chị Liên tiếp đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Văn Q, Nguyễn Mai A và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ biên bản làm việc, anh Nguyễn Văn N trình bày đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi chị L bỏ đi khỏi nhà, chị L và anh N vẫn trông nom, nuôi dưỡng các cháu như hiện tại. Ngoài ra cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ như hiện nay, cháu H có nguyện vọng ở với bố; đối với cháu Mai A anh N cũng đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi cháu. Xét thấy anh N

và chị L đều có đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Văn Q, Nguyễn Mai A; Giao cho anh Nguyễn Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc H. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2005 và cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2017; Giao cho anh Nguyễn Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2008. Anh N và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000948 ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND TP.Phúc Yên;
- Chi cục THADS TP.Phúc Yên;
- UBND P.Tiền Châu, TP.Phúc Yên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ

